TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:23/2021/ HNGĐ-ST Ngày 22/9/2021 V/v: "Không công nhận vợ chồng, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hải Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Long Văn Hoàng.
2. Ông Sùng Seo Chử.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp: "Không công nhận vợ chồng, nuôi con khi ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXX-ST ngày 7 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị Tr.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Hiện Tạm trú: Thôn T, phường P, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái. (Có đơn xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Triệu Quý D.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện Ma Ty số 1 tỉnh Lào Cai (Địa chỉ: thôn Làng My, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai) - Có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 6 năm 2021 và bản tự khai cùng ngày nguyên đơn chị Hà Thị Tr trình bày: Chị và anh Triệu Quý D lấy nhau năm 2011 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn mà chỉ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện, không bên nào ép buộc bên nào. Sau khi c□ới nhau về thời gian đầu sống hoà thuận hạnh phúc.

Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo động viên nhưng vợ chồng không đoàn tụ được nên chị Tr đã bỏ về nhà bố mẹ ở tổ dân phố Bản Ten, phường Pú Trạng,thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái sinh sống, từ đó đến nay vợ chồng ly thân nhau. Chị Hà Thị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở lên trầm trọng. Nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị và anh Triệu Quý D được ly hôn.

Về con: Trước khi lấy nhau chị và anh D không ai có con riêng vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi lấy nhau về chị và anh D sinh được một người con chung tên là Triệu Tuấn T sinh ngày 24/6/2012, nguyện vọng của chị nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn anh D thì chị sẽ chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu T.

Về tài sản: Trước khi kết hôn chị và anh D không có tài sản riêng gì vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung chị và anh D chưa tạo dựng được tài sản gì vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: Chị và anh D không nợ ai và không cho người khác vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 5 tháng 7 năm 2021 bị đơn là anh Triệu Quý D trình bày: Anh và chị Hà Thị Tr lấy nhau năm 2011 và đến tháng 12/2011 (không nhớ ngày) có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã dân xã B, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. từ khi lấy nhau về không có mâu thuẫn gì trầm trọng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm sống và chị Tr tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tổ dân phố Bản T, phường P, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị Hà Thị Tr làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị Tr vì anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng.

Về con: Trong thời gian chung sống anh, chị không ai có con riêng mà sau khi lấy nhau về sinh được một người con chung là Triệu Tuấn T sinh ngày 24/6/2012 . Nguyện vọng của anh khi ly hôn thì anh sẽ chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu T.

Về tài sản và công nợ : Anh và chị Tr không có tài sản riêng và chung cũng như khoản nợ không nợ ai hoặc cho người khác vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/9/2021 chị Hà Thị Tr và anh Triệu Quý D đã không thỏa thuận được với nhau về nuôi con chung và đều có nguyện vọng nuôi con là cháu Triệu Tuấn T và anh, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho cháu T.

Về quan hệ hôn nhân anh, chị không đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành Hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện viện kiểm sát có ý kiến như sau:

+,Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về

công tác xây dựng hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của phiên tòa sơ thẩm, không vi phạm thủ tục tố tụng. Ngày 8/9/2021 chị Tr và anh D có đơn xin xét xử vắng mặt nên áp dụng khoản 1 điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết.

+, Về hướng giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn và những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp trong quá trình giải quyết vụ án.Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị Hà Thị Tr và anh Triệu Quý D có mâu thuẫn. Anh, chị c□ới hỏi theo phong tục tập quán địa ph□ơng, nh□ng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật. Vì vậy đã vi phạm vào khoản 1 điều 9; khoản 1 điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện"; " Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng".Vì vậy nên không đ□ợc pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay do mâu thuẫn gia đình chị Hà Thị Tr làm đơn xin ly hôn vì vậy không công nhận quan hệ giữa chị Hà Thị Tr và anh Triệu Quý D là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có một người con chung gồm: Cháu Triệu Tuấn T sinh ngày 24/6/2012. Căn cứ vào ý kiến của các bên (chị Tr muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con cho cháu T; còn ý kiến của anh D nếu ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu T, không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con và tại biên bản lấy ý kiến của cháu T nguyện vọng của cháu nếu bố, mẹ ly hôn cháu xin ở với chị Hà Thị Tr). Hiện nay cháu T đang ở với chị Tr và tại đơn xin xác nhận mức thu nhập của Ủy ban nhân dân phường Pú Trạng, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái chị Tr có mức thu nhập là 9.000.000đồng/tháng; Tòa án đi xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B nơi anh D cư trú trước khi bị bắt đi cai nghiện Ma Ty nghề nghiệp anh D là làm ruộng có mức thu nhập 5.000.000 đồng /tháng. Xét thấy anh Triệu Quý D đang đi tập trung cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma Ty số 1 thuộc thôn Làng My, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng,tỉnh Lào Cai không thể nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T được. Nên giao cháu Triệu Tuấn T sinh ngày 24/6/2012 cho chị Hà Thị Tr trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu T. Nên áp dụng khoản 1, 2 điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Khoản 1, 2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 tuyên về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn Anh Triệu Quý D theo quy định tại điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự, và Tòa án đã tiến hành hòa giải về phần con chung để giải quyết

vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ và đã đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 8/9/2021chị Tr và anh D có đơn xin xét xử vắng mặt nên áp dụng khoản 1 điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đủ căn cứ xác định: Chị Hà Thị Tr và anh Triệu Quý D lấy nhau năm 2011 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Tại bản tự khai anh Triệu Quý D cho rằng vợ chồng anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Mường khương, tỉnh Lào Cai vào tháng 12/2011 nhưng Tòa án đi xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B đã cung cấp anh D và chị Tr có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã B, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Hai vợ chồng lấy nhau năm 2011 theo phong tục tập quán của địa phương và chung sống với nhau, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã vì vậy anh D khai như vậy là không có căn cứ.Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị Tr và anh D có mâu thuẫn chị Tr đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở phường Pú Trạng, thị xã Nghĩa lộ, tỉnh Yên Bái hai vợ chồng đã ly thân từ lâu. Anh, chị c□ới hỏi theo phong tục tập quán địa ph□ơng, nh□ng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật. Vì vậy đã vi phạm vào khoản 1 điều 9; khoản 1 điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện"; " Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng".Vì vậy nên không đ□ợc pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay do mâu thuẫn gia đình chị Hà Thị Tr làm đơn xin ly hôn vì vậy không công nhận quan hệ giữa chị Hà Thị Tr và anh Triệu Quý D là quan hệ vợ chồng.

[3].Về con: Trước khi kết hôn anh, chị không ai con riêng vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

Con chung: Quá trình chung sống anh chị có một người con chung gồm: Cháu Triệu Tuấn T sinh ngày 24/6/2012. Chị Tr có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con cho cháu T; còn nguyện vọng của anh D nếu ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con.Tại biên bản lấy ý kiến của cháu T nguyện vọng nếu bố, mẹ ly hôn cháu xin ở với chị Hà Thị Tr. Hiện nay cháu T đang ở với chị Tr và tại đơn xin xác nhận mức thu nhập của Ủy ban nhân dân phường Pú Trạng, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái chị Tr có mức thu nhập là 9.000.000đồng/tháng; Tòa án đi xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B nơi anh D cư trú trước khi bị bắt đi cai nghiện nghề nghiệp anh D làm ruộng có mức thu nhập 5.000.000 đồng /tháng. Xét thấy anh Triệu Quý D đang đi tập trung cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma Ty số 1 thuộc thôn Làng My, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai không thể nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T được. Nên giao cháu Triệu Tuấn T sinh ngày 24/6/2012 cho chị Hà Thị Tr trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu T. Nên áp dụng khoản 1, 2 điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Khoản 1, 2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[4]. Về tài sản: Chị Tr và anh D không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về khoản nợ: Chị Tr và anh D không nợ ai hoặc cho người khác vay nợ vì vậy Tòa án không giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Hà Thị Tr phải chịu toàn bộ án phí ly hôn quy định khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều khoản 1 Điều 9; khoản 1 điều 14 Điều 15; khoản 2 Điều 53; Khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; khoản 1, 2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Hà thị Tr và anh Triệu Quý D là quan hệ vợ chồng.

Về con: Giao cháu Triệu Tuấn T sinh ngày 24/06/2012 cho chị Hà Thị Tr trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) , anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu T. Anh Triệu Quý Dcó quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.Chị Hà Thị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)*, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Ký hiệu AC - 21P số: 0006394 ngày 22/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Chị Hà Thị Tr và anh Triệu Quý D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh+ huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu tập án
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hải Quân